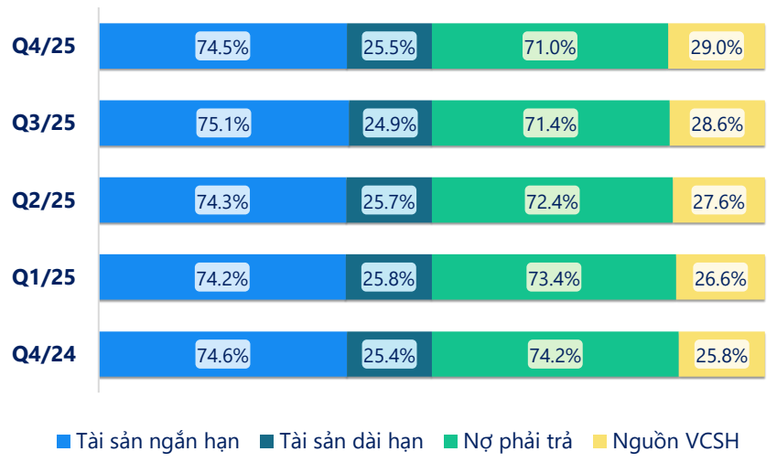
FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng Long An IDICO (UPCOM: LAI)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,954
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,385
SL cổ phiếu LH	27,359,969
KLGD BQ 20 phiên (CP)	29,835
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	410
P/E	8.3
EPS	1,815

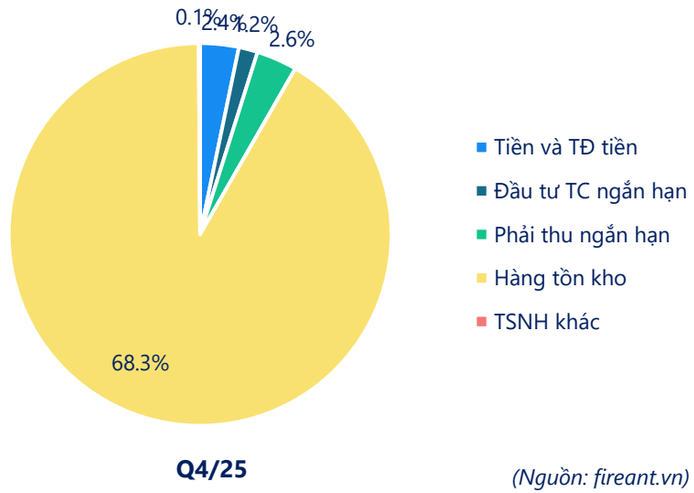
	YTD	1T	3T	6T
LAI	-30.7%	-2.6%	-3.8%	-15.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



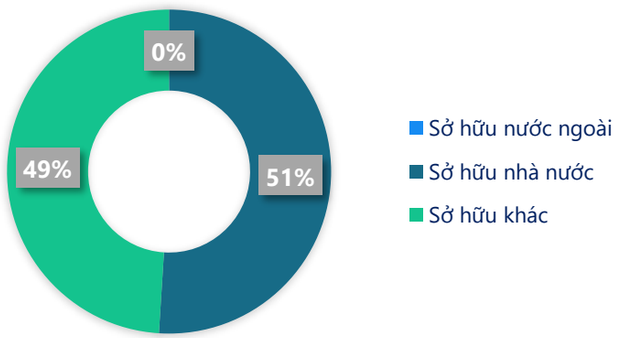
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



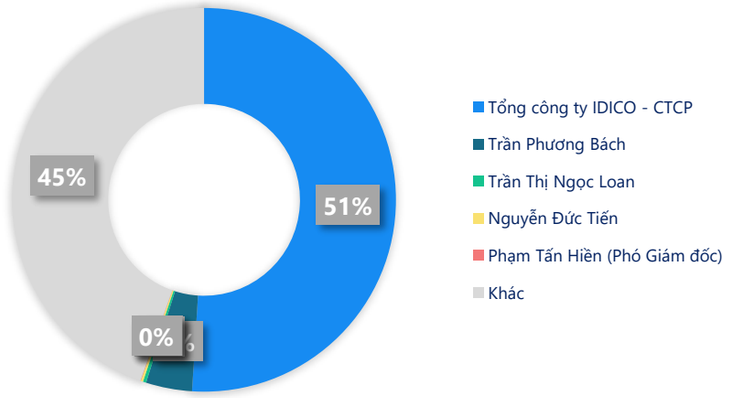
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



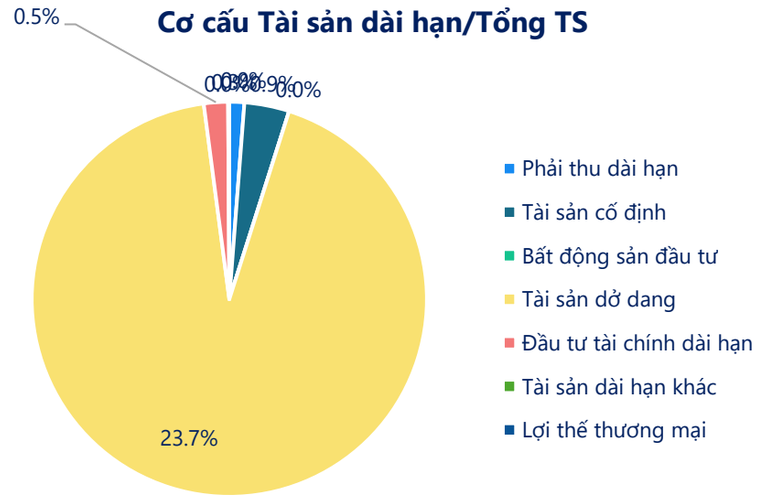
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

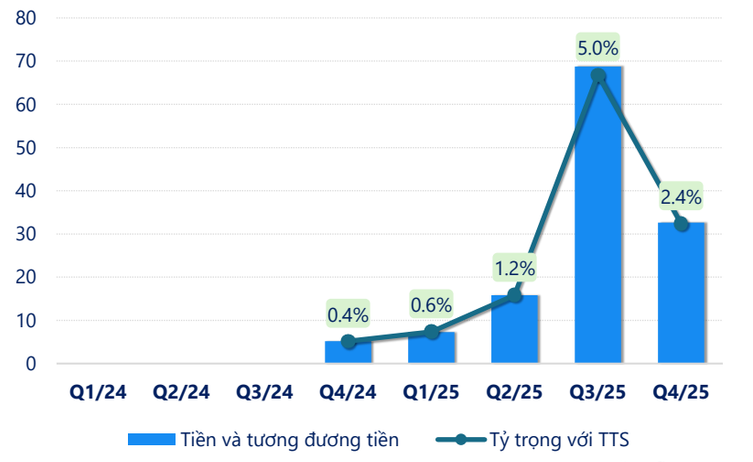


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

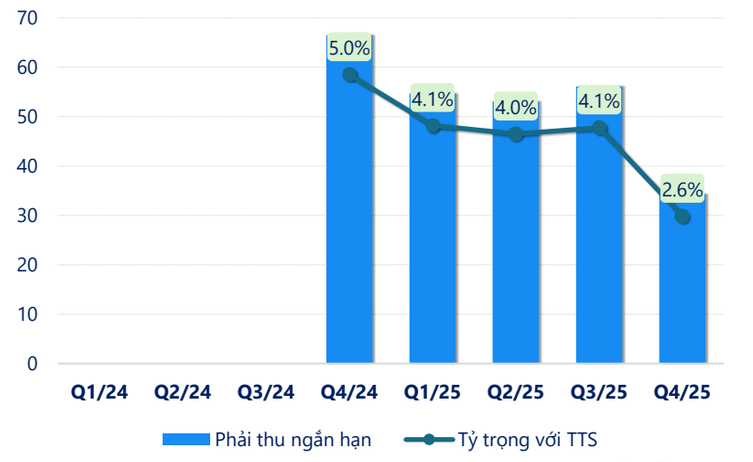
CTCP Đầu tư Xây dựng Long An IDICO (UPCOM: LAI)

Tiền và tương đương tiền



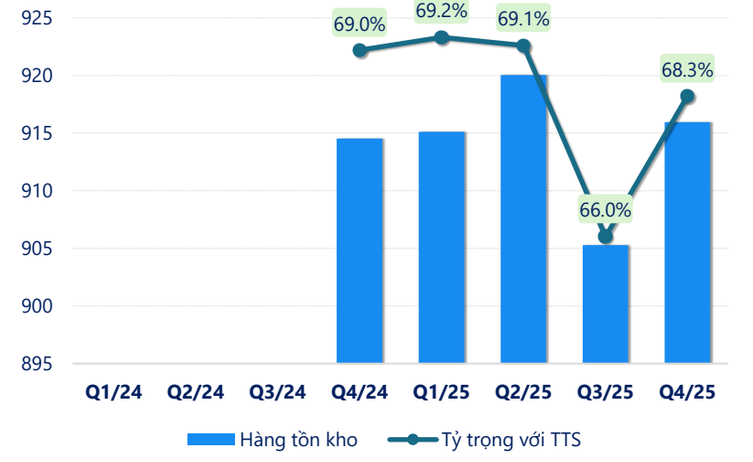
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



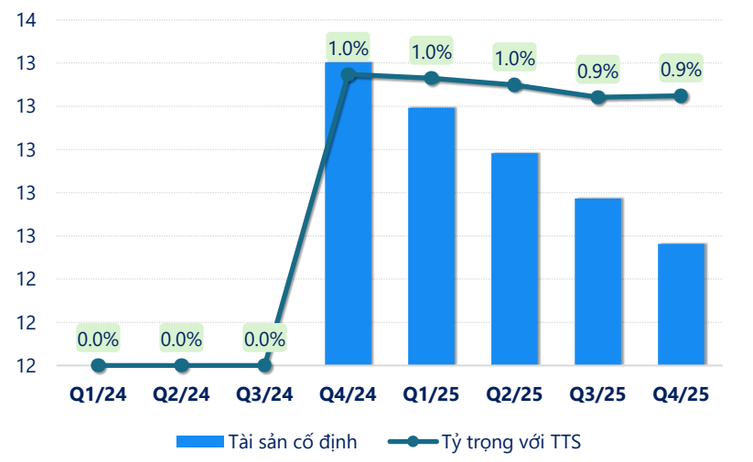
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



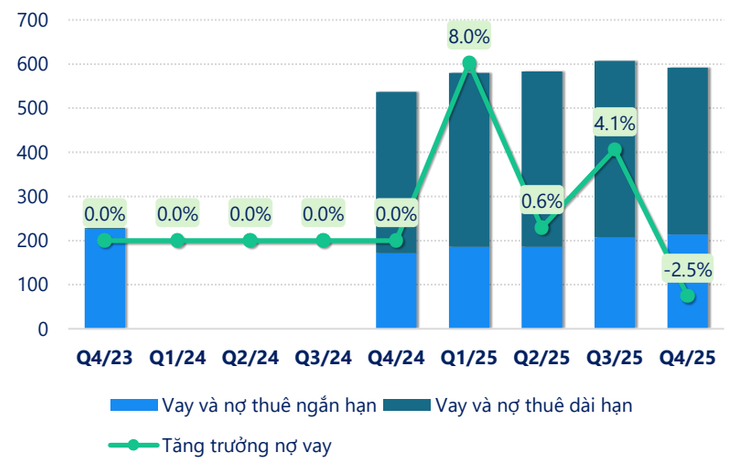
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



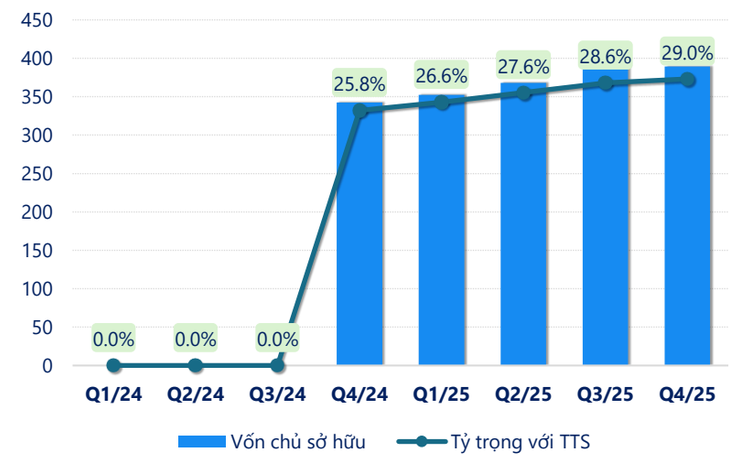
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

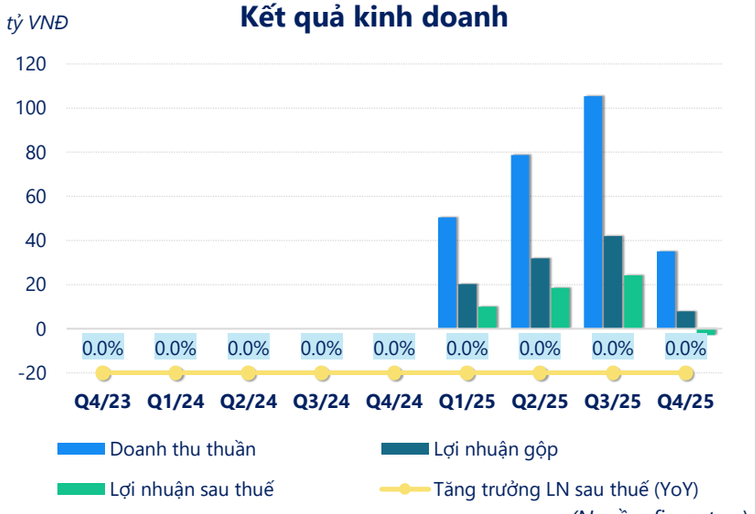
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

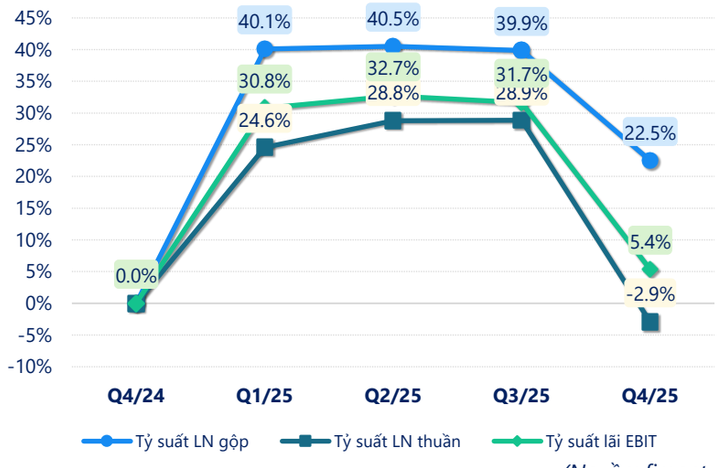
CTCP Đầu tư Xây dựng Long An IDICO (UPCOM: LAI)

Kết quả kinh doanh



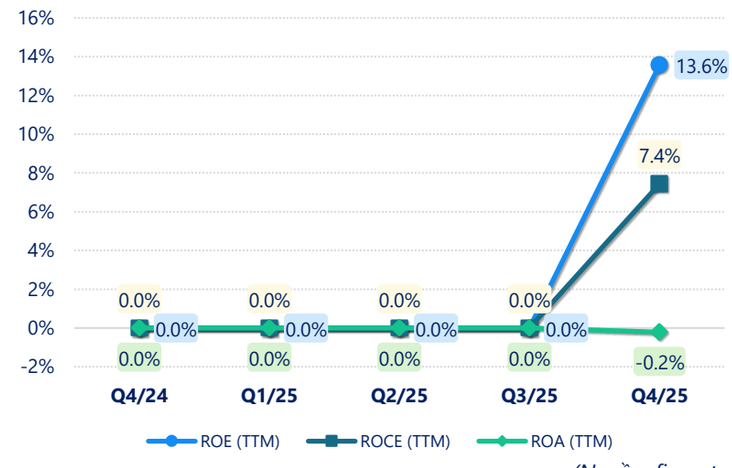
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



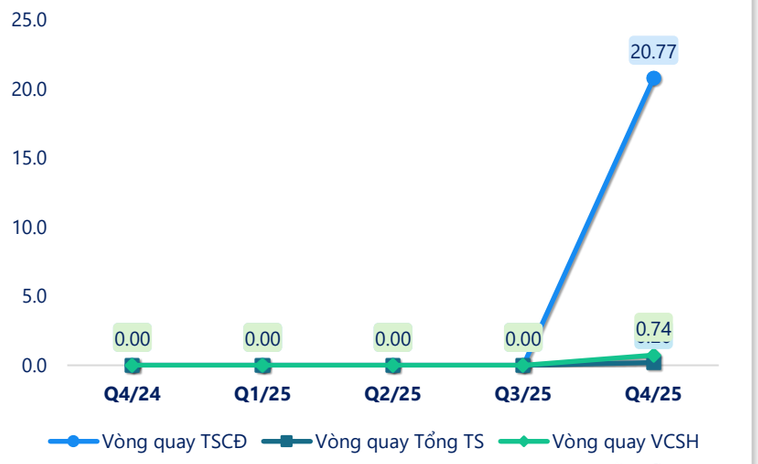
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



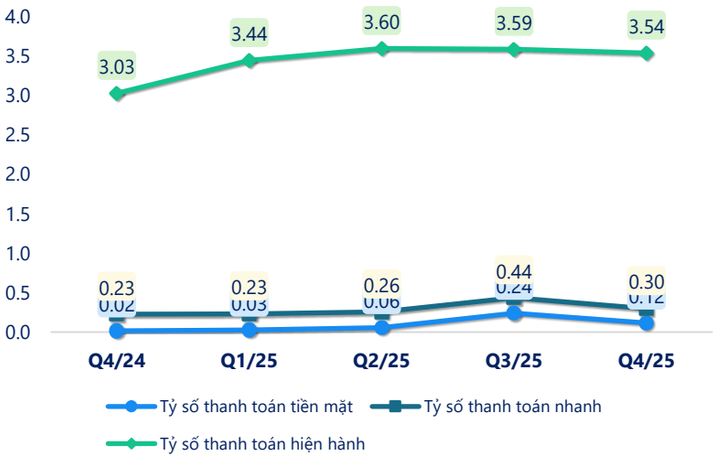
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



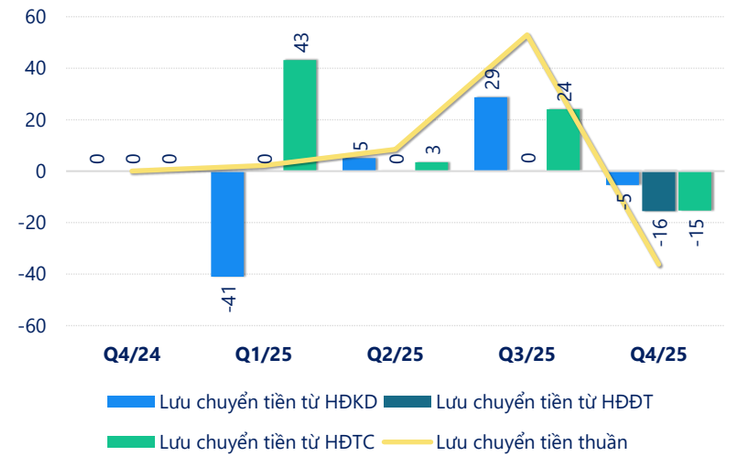
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng Long An IDICO (UPCOM: LAI)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,342**	**1,326**	**1.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,000	989	1.2%
Tiền và tương đương tiền	32.6	5.15	533%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.0	0	
Phải thu ngắn hạn	34.3	66.5	-48.4%
Hàng tồn kho	916	915	0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.19	2.49	-52.0%
Tài sản dài hạn	**342**	**337**	**1.4%**
Phải thu dài hạn	4.18	0	
Tài sản cố định	12.6	13.4	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	318	315	1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.75	6.75	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.33**	**1.87**	**-82.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	953	983	-3.1%
Nợ ngắn hạn	**283**	**326**	**-13.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	214	171	24.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.0	30.5	-34.5%
Nợ dài hạn	670	657	2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	378	365	3.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**389**	**343**	**13.7%**
Vốn chủ sở hữu	**389**	**343**	**13.7%**
Vốn điều lệ	274	171	60.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần		50.4	78.8	105	35.1
Giá vốn hàng bán		30.2	46.8	63.4	27.2
Lợi nhuận gộp		20.2	31.9	42.0	7.89
Doanh thu HĐTC		0.03	0.01	0.26	0.63
Chi phí TC		2.85	2.95	3.15	3.16
Chi phí lãi vay		2.83	2.94	3.13	3.15
LN trong công ty LKLD		0	0	0	0
Chi phí bán hàng		0.95	1.12	3.18	1.05
Chi phí QLDN		4.06	5.16	5.51	5.34
LN thuần từ HĐKD		12.4	22.7	30.4	-1.03
Lợi nhuận khác		0.29	0.13	-0.18	-0.24
LN trước thuế		12.7	22.8	30.3	-1.27
Lợi nhuận sau thuế		9.95	18.5	24.1	-2.87
LNST của CĐ cty mẹ		9.95	18.5	24.1	-2.87

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-41.0	5.07	28.7	-5.37
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.04	0.00	0.22	-15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	43.2	3.42	24.0	-15.3
Tiền đầu kỳ	0	5.15	7.31	15.8	68.8
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**2.16**	**8.49**	**53.0**	**-36.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	7.31	15.8	68.8	32.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic